Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
TP.Điện Biên - Tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 815 /TTr-UBND	*Điện Biên, ngày 25 tháng 3 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị Quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn hản quy phạm pháp Luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính Phủ quy chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Sau khi xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Các căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

- Nghị Quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021–2030;

- Nghị Quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Chính phủ về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030;

- Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Nghị quyết số 55/NQ-TTHĐND ngày 08/02/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Căn cứ thực tiễn

Ngày 30/12/2021 Chính phủ đã ban hành Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 *(Sau đây gọi tắt là Quyết định)* có giao:

- Tại khoản 5, Điều 7. Tổ chức thực hiện quy định về trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: "Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định tại Quyết định này, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các nguyên

tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định".

- Tại điểm a, khoản 1 Điều 6 Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình "Đối với các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương: Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 70% trở lên: Hằng năm, ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu bằng 05% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương".

Từ các nội dung nêu trên, để đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định của Thủ tướng làm căn cứ để lập kế hoạch trung hạn và hàng năm giai đoạn 2021-2025 của các cấp, các ngành đồng thời làm căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm thì việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên *(Sau đây gọi tắt là Nghị quyết)* là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Nhằm cụ thể hóa các Điều, khoản, điểm được giao tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Xác định rõ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương là căn cứ để các cấp ngân sách, các sở, ngành đơn vị liên quan lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm giai đoạn 2021-2025, đồng thời là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

- Quy định rõ tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình để thực hiện theo Khoản 2 Điều 6 của Quyết định "ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu bằng 05% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương".

2. Quan điểm

- Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo đúng tuân thủ theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị Quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/07/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính Phủ; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phải đảm bảo phù hợp với thực tiễn tại địa phương; có nghiên cứu kế thừa, phát huy những kết quả đạt được của giai đoạn 2016-2020, khắc phục những hạn chế yếu kém; bám sát các định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh.

- Đảm bảo công khai, minh bạch và công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch vốn đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế chính sách; tăng cường phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các địa phương theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Thực hiện nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Sau khi được chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Nghị quyết số 55/NQ-TTHĐND ngày 08/02/2022, UBND tỉnh đã có văn bản số 347/UBND-KT ngày 14/02/2022 chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với ngành, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện quy trình xây dựng Nghị quyết gửi các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố để lấy ý kiến, hoàn thiện và gửi Sở Tư pháp để thẩm định tại Báo cáo số 220/BC-STP ngày 25/02/2022; được UBND tỉnh thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 3 (lần 1) năm 2022; sau khi xin ý kiến và được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chấp thuận, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét quyết định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 05 điều và 10 phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết:

- **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dung;

- **Điều 2.** Nguyên tắc phân bổ vốn;

- **Điều 3.** Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương;

- **Điều 4.** Quy định vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình;

- **Điều 5.** Tổ chức thực hiện;

- Các phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết (phụ lục 10).

2. Nội dung của Nghị quyết

2.1. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức có liên quan lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình.

b) Các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là các sở, ban, ngành và cấp huyện).

2.2. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên (sau đây gọi tắt là Chương trình); là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước cho các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

2.3. Nguyên tắc phân bổ vốn

- Tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Phân bổ vốn phải bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025; bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư, vốn sự nghiệp và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các đơn vị được phân bổ vốn thực hiện đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thực tế và năng lực quản lý để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; đảm bảo hiệu quả đầu tư của Chương trình.

- Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện nội dung Chương trình, tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn, bản khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước đầu tư các công trình giao thông cho các xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; đầu tư công trình giao thông kết nối (hệ thống cầu, đường giao thông), công trình điện lưới quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho các huyện nghèo có nhiều xã biên giới, xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn.

- Phân bổ kế hoạch vốn hằng năm cho các sở, ban ngành và địa phương thực hiện Chương trình theo kết quả giải ngân của năm trước năm kế hoạch; ưu tiên phân bổ cho các địa phương, các dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình đảm bảo tiến độ giải ngân.

- Việc phân bổ vốn phải đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và địa phương; bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2.4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương

a) Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách trung ương(vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện Chương trình được quy định chi tiết tại 10 Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

b) Phương pháp phân bổ vốn, tổng số vốn phân bổ bao gồm:

b1) Vốn tính điểm áp dụng công thức:

Tổng số vốn phân bổ cho huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo thứ k (Tk), được tổng hợp từ vốn phân bổ của các dự án, tiểu dự án thành phần thứ i (Vk,i) của huyện đó và Sở Giáo dục và Đào tạo được tính theo công thức:

$$Tk = \sum_{i=1}^{n} V_{k,i}$$

Trong đó:

- i là dự án, tiểu dự án thứ i.

- k là huyện, ngành thứ k.

Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của huyện, ngành (k) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần (i):

$$Vk,i = Qi.Xk,i$$

Trong đó:

- Vk,i: vốn phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i cho huyện, ngành thứ k.

- Xk,i: số điểm dự án, tiểu dự án thứ i của huyện, ngành thứ k.

- Qi: vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i

$$Q_i = \frac{G_i}{\sum_{k=1}^{n} X_{k,i}}$$

- Gi: vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho dự án, tiểu dự án thứ i.

b2) Vốn theo nhu cầu thực tế cho các ngành của tỉnh và của huyện, được phân bổ theo nội dung theo đề xuất của ngành và của các huyện cần đầu tư để hoàn thành mục tiêu phân bổ cho dự án, tiểu dự án thứ i.

2.5. Tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình

a) Vốn đầu tư phát phát triển

- Theo Quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 70% trở lên: Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 5% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Do đó mức vốn đầu tư phát triển đối ứng của tỉnh được xác định 5% tổng dự kiến nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 phân bổ cho tỉnh.

- Nguồn vốn đầu tư phát triển đối ứng ngân sách địa phương thực hiện chương trình dự kiến điều chỉnh kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 của nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương Thu sử dụng đất trên địa bàn phường, thị trấn theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh" để thực hiện chương trình.

b) Vốn đầu tư sự nghiệp

Hàng năm ngân sách địa phương thực hiện đối ứng tối thiểu bằng 5% nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp đối ứng ngân sách địa phương do Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

Các huyện, thị xã, thành phố đã được phân bổ kinh phí nhưng không thực hiện bố trí vốn đối ứng; căn cứ vào số giảm trừ của ngân sách trung ương, khi phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình năm sau, ngân sách tỉnh sẽ giảm trừ kinh phí bổ sung từ ngân sách trung ương tương ứng với số vốn đối ứng mà các huyện thị xã thành phố chưa bố trí.

Trên đây là Tờ trình đề nghị thông qua Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách - HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc - HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư Pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT(NQT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lê Thành Đô

DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Văn bản của tỉnh

(1) Tờ trình số 485/TTr-SKHĐT ngày 21/3/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

(2) Báo cáo tổng hợp tiếp thu giải trình, sửa đổi, bổ sung và hoàn chỉnh dự thảo Nghị Quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư Pháp vào dự thảo Nghị Quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

(3) Báo cáo số 220/BC-STP ngày 25/02/2022 của Sở Tư Pháp Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị Quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức, phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

(4) Văn bản tham gia ý kiến của các đơn vị tham gia xây dựng Nghị Quyết.

(5) Nghị Quyết số 55/NQ-TTHĐND ngày 08/02/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị Quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(6) Văn bản số 347/UBND-KT ngày 14/2/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 55/NQ-TTHĐND ngày 08/2/2022 của HĐND tỉnh.

2. Văn bản của Trung Ương

(1) Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-20254.

(2) Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-20252.

(3) Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

(4) Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính Phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I : từ

năm 2021 đến năm 2025.

(5) Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

PHỤ LỤC I

PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN **DỰ ÁN 1** GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG DI CƯ TỰ DO, ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT

(Kèm theo Tờ trình số 815 /TTr-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh)

1. Phân bổ vốn đầu tư:

1.1. Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Không.

1.2. Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	0,4 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	0,4 x b
3	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	0,225 x c
4	Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung	30	d	30 x d
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

** Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được Ban Dân tộc rà soát, tổng hợp.*

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

2.1. Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Không.

2.2. Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	0,1 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	0,03 x b
	Tổng cộng điểm			Xk,i

** Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được Ban Dân tộc rà soát ,tổng hợp.*

Thời điểm xác định số liệu: trước khi xây dựng kế hoạch.

PHỤ LỤC II

PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN **DỰ ÁN 2** QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT

(Kèm theo Tờ trình số 815 /TTr-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh)

1. Phân bổ vốn đầu tư: *:*

1.1. Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Không.

1.2. Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính 10 điểm	10
2	Dự án có quy mô vốn đầu tư trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được tính thêm	01
3	Mỗi dự án tại xã biên giới được tính thêm	5
	Tổng cộng điểm	**Xk,i**

** Số liệu căn cứ thực tế tại địa phương, do Ban Dân tộc rà soát, tổng hợp*

2. Phân bổ vốn sự nghiệp: Không.

PHỤ LỤC III

PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN **DỰ ÁN 3** PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG, PHÁT HUY TIỀM NĂNG, THẾ MẠNH CỦA CÁC VÙNG MIỀN ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

(Kèm theo Tờ trình số 815 /TTr-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh)

1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Không.

- Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ	0,004	a	0,004 x a
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình	0,004	b	0,004 x b
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung	0,016	c	0,016 x c
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất (bao gồm trồng cây mắc ca), khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ (bao gồm trồng cây dược liệu quý dưới tán rừng)	0,1	d	0,1 x d
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ	0,3	đ	0,3 x đ
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ	0,12	e	0,12 x e
	Tổng cộng điểm			**Xk,i**

** Số lượng (a, b, c, d, đ, e) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, tổng hợp*

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.1. Phân bổ vốn đầu tư:

2.1.1. Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Không.

2.1.2. Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi huyện, thị xã, thành phố thực hiện dự án trồng dược liệu quý	290	a	290 x a
	Tổng cộng điểm			**Xk,i**

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

2.2.1. Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không quá 10% tổng vốn sự nghiệp phân bổ của tiểu dự án.

2.2.2. Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi huyện, thị xã, thành phố thực hiện dự án trồng dược liệu quý	310	a	310 x a
	Tổng cộng điểm			**Xk,i**

- Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư:

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III *(Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)*	5	b	5 x b
	Tổng cộng điểm			**Ak,i**

+ Nhóm tiêu chí ưu tiên đối với xã ĐBKK hơn:

Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới	2	a	2 x a
	Tổng cộng điểm			**Bk,i**

Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	a	0,15 x a
	Tổng cộng điểm			**Ck,i**

* Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết đinh số 861/QĐ-TTg) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ- UBDT ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 612/QĐ-UBDT) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Tổng số điểm Xk,i của địa phương thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i}$

* Số lượng (a, b) căn cứ số liệu, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế tại địa phương, được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, tổng hợp.

Thời điểm xác định số liệu: trước khi xây dựng kế hoạch.

PHỤ LỤC IV

PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN **DỰ ÁN 4** ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Tờ trình số 815 /TTr-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh)

1. Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu , phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1.1 Phân bổ vốn đầu tư:

1.1.1. Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Phân bổ cho Sở Y Tế (trạm y tế xã) không quá 1% tổng vốn giao.

1.1.2. Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III *(Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)*	15	b	15 x b
3	Cứ 1 km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	16	c	16 x c
4	Cứ xây mới 1 trạm y tế xã	40	d	40 x d
5	Cứ cải tạo sửa chữa 1 trạm y tế xã	8	e	8 x e
6	Cứ xây mới 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	44	f	44 x f
7	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8	g	8 x g
8	Mỗi công trình cầu giao thông kết nối các xã biên giới, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn	500	k	500 x k
9	Mỗi công trình hạ tầng lưới điện cho các xã biên giới, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn	1.000	l	1000 x l
	Tổng cộng điểm			**Ak,i**

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

+ Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới	10	a	10 x a
	Tổng cộng điểm			**Bk,i**

+ Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	a	0,3 x a
	Tổng cộng điểm			**Ck,i**

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Số liệu chợ; trạm y tế; Số km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa, công trình cầu giao thông kết nối, hạ tầng lưới điện cho các xã biên giới, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn theo nhu cầu thực tế của các địa phương.

Tổng số điểm Xk,i trên địa bàn mỗi huyện, thành phố được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: Xk,i = Ak,i + Bk,i + Ck,i

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

1.2.1. Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Không.

1.2.2. Phân bổ cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	9	a	9 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III *(Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)*	1,8	b	1,8 x b
3	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới và cải tạo	2,5	c	2,5 x c
	Tổng cộng điểm			**Ak,i**

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

+ Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới	1	a	1 x a
	Tổng cộng điểm			**Bk,i**

+ Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	a	0,03 x a
	Tổng cộng điểm			**Ck,i**

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg. Hỗ trợ trang thiết bị cho trạm y tế xây mới và cải tạo căn cứ số liệu báo cáo tình hình thực tế của các địa phương.

Tổng số điểm Xk,i trên địa bàn mỗi huyện, thành phố được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: Xk,i = Ak,i + Bk,i + Ck,i.

* Số lượng (a, b, c,…) căn cứ số liệu, nhu cầu thực tế tại địa phương, được các sở, ban, ngành rà soát, tổng hợp, đề xuất theo tiêu chí:

- Sở Giao thông vận tải: tiêu chí số km cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa.

- Sở Y tế: tiêu chí xây mới trạm y tế xã; cải tạo sửa chữa trạm y tế xã;hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới và cải tạo;

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK.

- Sở Công Thương: tiêu chí xây mới chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Thời điểm xác định số liệu: trước khi xây dựng kế hoạch.

PHỤ LỤC V

PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN **DỰ ÁN 5**
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

(Kèm theo Tờ trình số 815 /TTr-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh)

1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

1.1. Phân bổ vốn đầu tư:

1.1.1. Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Sở Giáo dục và Đào tạo.

1.1.2. Phân bổ cấp huyện: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Phương án phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo và các huyện, thị xã, thành phố áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi phòng công vụ giáo viên bổ sung, nâng cấp	1,446	a	1,446 x a
2	Mỗi phòng ở cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	b	1,446 x b
3	Mỗi phòng quản lý cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	c	1,446 x c
4	Mỗi nhà ăn + nhà bếp bổ sung, nâng cấp	5,784	d	5,784 x d
5	Mỗi nhà kho chứa lương thực bổ sung, nâng cấp	4,5	đ	4,5 x đ
6	Mỗi công trình vệ sinh, nước sạch bổ sung, nâng cấp	4,5	e	4,5 x e
7	Mỗi nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc bổ sung, nâng cấp	4,5	g	4,5 x g
8	Mỗi phòng học thông thường và phòng học bộ môn bổ sung, nâng cấp	3,759	h	3,759 x h
9	Mỗi công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...) bổ sung, nâng cấp	2	k	2 x k
10	Mỗi trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa có hoặc phải đi thuê địa điểm để hoạt động	450	l	450 x l
	Tổng cộng điểm			**Xk,i**

Số lượng (a, b, c, d, đ, e, g, h, k, l) căn cứ nhu cầu thực tế *được Sở Giáo dục và Đào tạo và* cấp huyện *rà soát, tổng hợp.*

1.2. Vốn sự nghiệp:

a) Đơn vị được phân bổ:

1.2.1. Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo để triển khai thực hiện.

1.2.2. Phân bổ cho cấp huyện: Không.

2.Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số

2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tối thiểu 25% tổng số kinh phí thực hiện cấp tỉnh của tiểu dự án .

- Phân bổ cho cấp huyện: phân bổ vốn tối thiểu 25% tổng số kinh phí để triển khai thực hiện cấp huyện của tiểu dự án áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,204	a	0,204 x a
	Tổng cộng			**Xk,i**

Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)

b) Nội dung 2: Đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học

- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Phân bổ Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 50% tổng số kinh phí.

3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

3.1 Phân bổ vốn đầu tư: Không.

3.2 Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Phân bổ không quá 25% cho cấp tỉnh, trong đó: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội không quá 5%; các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp tỉnh không quá 20%.

- Phân bổ cho cấp huyện: Phân bổ tối thiểu 75% tổng vốn được giao để triển khai thực hiện. Phương án phân bổ cho các đơn vị áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 x a
	Tổng cộng điểm			**Xk,i**

** Số lượng (a) căn cứ số liệu, nhu cầu thực tế tại địa phương, được Sở Lao động, thương binh và Xã hội rà soát, tổng hợp*

4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

4.1 Phân bổ vốn đầu tư: Không.

4.2 Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Phân bổ cho Ban Dân tộc.
- Phân bổ cho cấp huyện: Không.

PHỤ LỤC VI

PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN **DỰ ÁN 6** BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

(Kèm theo Tờ trình số 815 /TTr-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh)

1. Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Phân bổ vốn không quá 50% cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng vốn được giao.

- Phân bổ cho cấp huyện: Tối thiểu 50% tổng vốn được giao áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu	7	a	7 x a
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một làng, bản truyền thống tiêu biểu của các DTTS	60	b	60 x b
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi	2	c	2 x c
4	Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch	60	d	60 x d
5	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS	60	e	60 x e
	Tổng cộng điểm			**Xk,i**

* Số lượng (a, b, …) căn cứ số liệu, nhu cầu thực tế tại địa phương, được Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch rà soát, tổng hợp.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Phân bổ vốn không quá 50% cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng vốn được giao.

- Phân bổ cho cấp huyện: Tối thiểu 50% tổng vốn được giao áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá truyền thống cho mỗi dân tộc có khó khăn đặc thù	50	a	50 x a
2	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho mỗi tỉnh vùng đồng bào DTTS và miền núi	10	b	5 x b

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
3	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hoá truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống văn hoá các dân tộc thiểu số…)	3,5	c	3,5 x c
4	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	d	0,6 x d
5	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hoá dân gian…)	2	e	2 x e
6	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đối văn nghệ truyền thống	0,5	g	0,5 x g
7	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hoá truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	20	h	20 x h
8	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	i	10 x i
9	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	k	3 x k
10	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,3	l	0,3 x l
11	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hoá tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	m	0,3 x m
12	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	5	n	5 x n
	Tổng cộng điểm			**Xk,i**

** Số lượng (a,b, c, d…) căn cứ số liệu, nhu cầu thực tế tại địa phương, được Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch rà soát, tổng hợp.*

Thời điểm xác định số liệu: trước khi xây dựng kế hoạch.

PHỤ LỤC VII

PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN **DỰ ÁN 7** CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TẦM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM

(Kèm theo Tờ trình số 815 /TTr-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh)

1. Phân bổ vốn đầu tư

1.1. Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Phân bổ cho Sở Y Tế 100% vốn được phân bổ của dự án .

2.2 Phân bổ cho cấp huyện: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

2.1. Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Phân bổ cho Sở Y Tế 100% vốn được phân bổ của dự án.

2.2 Phân bổ cho cấp huyện: Không.

PHỤ LỤC VIII

PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN **DỰ ÁN 8** THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾTĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM

(Kèm theo Tờ trình số 815 /TTr-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh)

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

2.1 Phân bổ vốn cho cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Điện Biên không quá 35% tổng vốn sự nghiệp của dự án được giao.

2.2. Phân bổ cho cấp huyện: Tối thiểu 65% tổng vốn sự nghiệp của dự án được giao áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	2	b	2 x b
3	Mỗi xã ĐBKK là xã biên giới được tính thêm	1	c	1 x c
	Tổng cộng điểm			**Xk,i**

* Số lượng (a, b, c, d, e…) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện, thành phố.

* Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

* Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh rà soát, tổng hợp số liệu Phụ lục VIII.

Thời điểm xác định số liệu: trước khi xây dựng kế hoạch.

PHỤ LỤC IX

PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN **DỰ ÁN 9** ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI VÀ NHÓM DÂN TỘC CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN

(Kèm theo Tờ trình số 815 /TTr-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh)

1. Tiểu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù:

1.1. Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Phân bổ cho Ban Dân tộc tỷ lệ không quá 17% tổng vốn đầu tư của tiểu dự án theo nhu cầu thực tế đầu tư Nhà văn hóa.

- Phân bổ cho cấp huyện: Tối thiểu 83% tổng vốn đầu tư còn lại của tiểu dự án theo nhu cầu thực tế cần đầu tư.

Giao UBND tỉnh Điện Biên rà soát thực tế phân chi tiết cho các đơn vị cấp tỉnh và huyện.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Không.

- Phân bổ cho cấp huyện: Riêng vốn sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng không quá 10% vốn tiểu dự án phân bổ trên địa bàn mỗi huyện, áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù thuộc địa bàn đầu tư	0,15	b	0,15 x b
2	Mỗi thôn ĐBKK có DTTS có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư	19	a	19 x a
	Tổng cộng điểm			**Xk,i**

* Số lượng hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù thuộc địa bàn đầu tư (a) căn cứ số liệu tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1227/QĐ-TTg; thôn ĐBKK có DTTS có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng được xác định theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg.

2. Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Phân bổ vốn cho Ban dân tộc không quá 10% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án.

- Phân bổ cho cấp huyện: Tối thiểu 90% vốn sự nghiệp áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 x đ
	Tổng số			**Xk,i**

* Tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết (a) của tỉnh/thành phố căn cứ số liệu điều tra thống kê thực trạng KT-XH 53 DTTS năm 2019.

* Xã khu vực I, II, III (b, c, d) của tỉnh/thành phố được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

* Số mô hình thực hiện (đ) là 20% của tổng số xã khu vực III, II của tỉnh/ thành phố được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Ban Dân tộc rà soát, tổng hợp số liệu Phụ lục IX.

Thời điểm xác định số liệu: trước khi xây dựng kế hoạch.

PHỤ LỤC X

PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN **DỰ ÁN 10** TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI. KIỂM TRA, GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Tờ trình số 815 /TTr-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh)

1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Không quá 67% tổng vốn sự nghiệp cho Ban dân tộc, Sở tư pháp, Sở thông tin và truyền thông, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

UBND tỉnh Điện Biên phân chi tiết cho các sở, ngành cấp tỉnh.

- Phân bổ cho cấp huyện: Tối thiểu 33% tổng vốn sự nghiệp Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 x a
	Tổng cộng điểm			**Xk,i**

Giao UBND cấp huyện phân chi tiết cho các cấp huyện và cấp xã.

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.1. Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Phân bổ vốn 100% cho Sở Thông tin và truyền thông triển khai thực hiện trên địa bàn các huyện có xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Phân bổ cho cấp huyện: Không.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Phân bổ không quá 67% tổng vốn sự nghiệp cho Ban dân tộc, Liên minh hợp tác xã tỉnh, Sở thông tin và truyền thông.

Giao UBND tỉnh Điện Biên phân chi tiết.

- Phân bổ cho cấp huyện: Tối thiểu 33% tổng vốn sự nghiệp áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III *(số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)*	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			**Xk,i**

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

3.1 Phân bổ vốn đầu tư: Không.

3.2 Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành: Phân bổ cho các thành viên của Ban chỉ đạo cấp tỉnh không quá 55% tổng số vốn sự nghiệp được giao. Giao UBND tỉnh Điện Biên phân chi tiết.

- Phân bổ cho cấp huyện: Tối thiểu 45% tổng số vốn sự nghiệp được giao, áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
	Tổng cộng			**Xk,i**

Giao UBND cấp huyện phân chi tiết cho các thành viên của Ban chỉ đạo cấp huyện và cấp xã.

* Số liệu xã khu vực I, II, III (a, b, c) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Ban Dân tộc rà soát, tổng hợp số liệu Phụ lục X.

Thời điểm xác định số liệu: trước khi xây dựng kế hoạch.